

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/DS-PT

Ngày 25-8-2025

V/v Kiện đòi tài sản (Tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Thẩm phán: Bà Quách Thị Phương Thúy và ông Nguyễn Quang Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “Kiện đòi tài sản (Tiền)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2025/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1959; Căn cước công dân số: 030159016697, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/6/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Tô Thị L**, sinh năm 1950; Căn cước công dân số: 030151010109, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 20/01/2022; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng). Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng). Có mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là VKSND khu vực 10 – Hải Phòng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Bà đến chùa L2 thuộc thôn V, xã T (nay là xã V), huyện K, tỉnh Hải Dương từ năm 2013 đến năm 2023. Trong thời gian 10 năm ở chùa, bà đã tham gia tích cực vào việc tôn tạo, xây dựng ngôi chùa, bà đã quyên góp được 400 triệu đồng và gửi Thầy N là S trụ trì C. Ngày 01 tháng 4 âm lịch năm 2023, khi bà không ở chùa L2 nữa, Thầy N đã trả lại bà 400 triệu đồng. Bà đã đưa 200 triệu đồng cho bà Lương Thị K, sinh năm 1945 ở thôn V, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương nhờ bà K đưa cho bà Tô Thị L gửi Ngân hàng giúp để lấy lãi hàng năm đi trường hạ (đi học). Ngày hôm sau bà đến gặp bà L xin lại tiền để bà trực tiếp đi gửi Ngân hàng nhưng do bà L đã gửi Ngân hàng rồi nên bà không đòi nữa. Sau một năm, bà điện thoại cho bà L không được, đến ngày 06/9/2024 bà đến gặp bà L xin lại số tiền trên nhưng bà L nói đã rút ở Ngân hàng về chi trả hết vào việc xây dựng nhà khách đường của C nên không có tiền trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Tô Thị L trả lại cho bà Trần Thị Đ 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và tiền lãi là 14.435.000 đồng.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tô Thị L trình bày quan điểm như sau: Bà xác định có nhận từ bà K số tiền 200 triệu đồng, là số tiền bà Đ đưa cho bà K. Bà được biết toàn bộ số tiền 200 triệu đồng và lãi thu được, bà Đ tự nguyện cúng dường để xây dựng chùa L2. Sau một năm gửi tiết kiệm Ngân hàng, bà cùng ông L1 là Trưởng ban giúp việc nhà Chùa rút hết gốc 200 triệu đồng và lãi được 14.350.000 đồng về để xây Chùa. Nay bà xác định bà Đ đã tự nguyện công đức toàn bộ số tiền gốc và lãi vào Chùa L2, thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương nên bà không có trách nhiệm trả bà Đ toàn bộ số tiền gốc, lãi. Toàn bộ số tiền có bản sao kê chứng từ giao dịch ngày 20/5/2024 thể hiện số tiền lãi là 14.435.000 đồng.

Những Người làm chứng: Là bà Lương Thị K, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T đều xác nhận có chứng kiến việc bà Đ đưa 200 triệu đồng cho bà K và nói nhờ bà K đưa cho bà L để bà L gửi tiết kiệm, khi nào nhà Chùa có việc xây dựng lớn thì rút hết về để xây chùa.

Người làm chứng: Ông Lê Văn L1 xác định ngày 20/5/2024 ông đã cùng bà L đến Ngân hàng rút hết gốc lãi về và trả ngay trong ngày 20/5/2024 cho ông T2 là người nhận xây nhà khách đường của Chùa L2; ông T2 cũng xác nhận ngày 13/4/2024 âm lịch (đúng ngày 20/5/2024 dương lịch), ông nhận từ bà L số tiền 250 triệu đồng và sau 4-5 tháng ông còn nhận tạm ứng thêm 100 triệu đồng; nhà khách đường của C đến nay vẫn chưa xây xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu bà Tô Thị L trả bà 214.435.000 đồng. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/6/2025 bà Trần Thị Đ kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án, buộc bị đơn là bà Tô Thị L trả bà Trần Thị Đ số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và tiền lãi thu được từ việc gửi tiết kiệm tại Ngân hàng là 14.435.000 (Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Ngày 19/6/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số 13/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành với nội dung: Kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng) xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng huỷ Bản án sơ thẩm và chuyển lại hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Kim Thành (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo. Ngoài ra, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Các đương sự đều đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị thay đổi yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Hải Phòng) theo hướng đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa. Ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản (là T1), bị đơn là bà Tô Thị L, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo, kháng nghị nên thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (ngày 01/7/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hợp nhất với Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng) nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[1.2] Thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng) kháng nghị trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Nguyên đơn và Kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Kim Thành (nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng) được thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX xét thấy: Bà Trần Thị Đ đến chùa L2, thuộc thôn V, xã T (xã V), huyện K, tỉnh Hải Dương (sau sáp nhập là xã L, thành phố Hải Phòng) từ năm 2013 đến năm 2023. Trong thời gian 10 năm ở chùa, bà đã quyên góp được 400 triệu đồng và gửi sư N là trụ trì C. Ngày 01/4/2023 (âm lịch), khi bà không ở chùa L2 nữa sư N đã trả lại bà 400 triệu đồng. Bà đã đưa 200 triệu đồng cho bà Lương Thị K, sinh năm 1945 ở thôn V, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương nhờ bà K đưa cho bà Tô Thị L gửi Ngân hàng giúp bà lấy lãi hàng năm đi trường hạ (đi học). Sự việc bà Đ đưa tiền cho bà K là 200 triệu đồng nhờ bà K đưa cho bà L gửi ngân hàng có sự chứng kiến của người làm chứng là bà Y, bà T, bà K. Bà L cũng thừa nhận, nên số tiền và các sự kiện này là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Về ý chí của các bên đương sự trong quan hệ giao dịch: Ngày 01/4/2023 (âm lịch) bà Đ đưa tiền cho bà K, sau khi biết việc bà K đưa tiền của mình cho bà L để gửi ngân hàng, bà Đ đã trực tiếp gặp bà L để lấy lại số tiền trên. Tuy nhiên số tiền đã được bà L gửi ngân hàng nên bà Đ không đòi lại nữa. Như vậy, qua việc này đã thể hiện quan điểm thay đổi trong việc không còn đồng ý cúng dường số tiền trên cho chùa N1. Sau khi hết thời hạn gửi tiền tiết kiệm, bà L phải rút tiền ra và trả lại số tiền trên cho bà Đ nhưng bà L lại tự ý sử dụng số tiền trên vào mục đích chi trả tiền xây dựng nhà khách đường của chùa L2, cụ thể giao tiền cho ông Võ Văn T2 khi chưa có ý kiến chính thức từ phía bà Đ. Bản thân bà Đ cũng chưa bao giờ chính thức truyền đạt hoặc ủy quyền bằng văn bản cho bà L thực hiện ý chí của mình liên quan đến việc cúng dường số tiền 214.435.000 đồng (gốc và lãi). Việc bà L không hỏi lại ý kiến của bà Đ đối với việc sử dụng số tiền trên là lỗi từ phía bà L. Bà L không phải là chủ sở hữu

hợp pháp tài sản là số tiền trên nên không có quyền tự định đoạt tài sản (công đức tiền xây chùa). Nguyên đơn bà Đ dù ban đầu đưa ra quan điểm muốn cúng dường số tiền 200 triệu đồng cho Chùa L2, tuy nhiên việc cúng dường đó chưa diễn ra trên thực tế, chưa ai ghi nhận bằng sự kiện pháp lý nên nguyên đơn vẫn có quyền thay đổi quyết định của mình. Từ những phân tích trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và 14.435.000 đồng tiền lãi và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng được thay đổi tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự. Cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng chứng cứ và ý chí của chủ thể có quyền trong việc quyết định, định đoạt tài sản của mình dẫn đến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Tô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà L là người cao tuổi đề nghị miễn án phí, do vậy HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với bà L.

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166, Điều 275, Điều 351, Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, Điều 15, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Đ và chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng). Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) về việc K1 đòi tài sản.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ. Buộc bà Tô Thị L phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và số

tiền lãi tiết kiệm là 14.435.000 (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bị đơn bà Tô Thị L.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Phòng TT, KTNV & THA TAND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 10 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Tân